

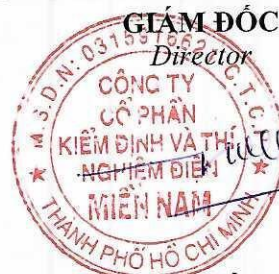


Số/ No: 47/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 09/01/2025 Trang/ Page: 1/2
-------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG VÂN KHÁNH
2. Địa chỉ thử nghiệm: <i>Place of testing:</i>	PTN – Công ty CP Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện Miền Nam
3. Đối tượng thử nghiệm: <i>Type of testing:</i>	MCCB 3P.
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	01 Thiết bị 01 Equipments
5. Phương pháp thử nghiệm: <i>Method of testing:</i>	- TN/QT-22; - Theo yêu cầu của khách hàng/ <i>At the request of customers;</i> - Tài liệu NSX/ <i>Manufacturer's documentation.</i>
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	08/01/2025
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Loại/ <i>Type:</i> ABS203c 250AF 3P
	Số quản lý/ <i>Serial No:</i> P0101048130042B2GK83
	Nhà sản xuất/ <i>Manufacture:</i> LS – KOREA
	Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i> 13/08/2024
	Điện áp định mức/ <i>Rated voltage:</i> 690VAC
	Dòng điện định mức/ <i>Rated current:</i> 150A
	Dòng cắt lớn nhất/ <i>Max cutting current:</i> 85kA/220V; 42kA/380V
8. Phương tiện thử nghiệm <i>Testing equipment</i>	Tần số/ <i>Frequency:</i> 50/60 Hz
	Kyoritsu 3125A; HLY-200C; AC UTQ1; Fluke 287C; Fluke 355; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.
9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH
10. Kết quả thử nghiệm: <i>Testing result:</i>	Xem trang sau <i>See next page</i>
11. Tem thử nghiệm: <i>Testing stamp No:</i>	10/25/ETSC
12. Kết luận <i>Conclusion</i>	MCCB nêu trên đạt yêu cầu vận hành/ <i>Circuit breaker Pass</i>
13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 01/2026 <i>Recommended next testing period:</i>	

Người Thực Hiện
Executor

Trần Văn Minh



Nguyễn Quốc Hoàn





Số/No: 47/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 09/01/2025 Trang/ Page: 2/2
------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

10.2 Điện trở cách điện (R_{cd})/ Insulation Test ($M\Omega$):

Đối tượng đo <i>The object of measurement</i>	Mức tiêu chuẩn <i>Standard level ($M\Omega$)</i>	Kết quả đo <i>Measurement results ($M\Omega$)</i>	Đánh giá <i>Assess</i>
A – (B + C + Vô)	$\geq 1,0$	> 2.000	Đạt
B – (A + C + Vô)	$\geq 1,0$	> 2.000	Đạt
C – (B + A + Vô)	$\geq 1,0$	> 2.000	Đạt

10.3 Điện trở tiếp xúc (R_{tx})/ Contact resistance test

Đối tượng đo <i>Testing object</i>	Dòng thử (ADC) <i>Testing current</i>	Giá trị đo ($\mu\Omega$) <i>Measured value</i>	Tiêu chuẩn ($\mu\Omega$) <i>Standard value</i>	Đánh giá <i>Remark</i>
Phase A	100	44,6	$R_{tx} \leq 50$	Đạt/ Pass
Phase B	100	46,2		Đạt/ Pass
Phase C	100	45,8		Đạt/ Pass

10.4 Thử nghiệm đặc tính cắt quá tải/ Overload breaking characteristic test

Thông số cài đặt <i>Parameter settings</i>	Dòng điện thử nghiệm tại U_e max <i>The Ampe of testing at U_e max</i>	Thời gian tác động <i>Action time (s)</i>	Đánh giá <i>Assess</i>
$I_n = 150$	$I_{test} = 2 \times I_n$	< 10	Đạt/ Pass

10.5 Thử nghiệm đặc tính cắt nhanh/ Tripping current test

Thông số cài đặt <i>Parameter settings</i>	Dòng điện thử nghiệm tại U_e max <i>The Ampe of testing at U_e max</i>	Thời gian tác động <i>Action time (s)</i>	Đánh giá <i>Assess</i>
$I_n = 150$	$I_{test} = 6 \times I_n$	0,2	Đạt/ Pass

10.6 Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp/ High voltage test at 50Hz

Đối tượng đo <i>The object of measurement</i>	Điện áp thử nghiệm <i>The voltage of testing</i>	Thời gian thử nghiệm <i>The time of testing</i>	Kết quả đo <i>Measurement results</i>
A – (B + C + Vô)	2 kV	60 s	Chịu được/ Pass
B – (A + C + Vô)	2 kV	60 s	Chịu được/ Pass
C – (B + A + Vô)	2 kV	60 s	Chịu được/ Pass